

LÊ HOÀNG HẢI*
HOÀNG VĂN CHUNG**

**THỰC HÀNH NGHI LỄ MÔNG SON THÍ THỰC TRONG
PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY**
(Nghiên cứu trường hợp chùa Linh Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh
và chùa Tảo Sách, Hà Nội)

Tóm tắt: Bài viết này là kết quả nghiên cứu về thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực của Phật giáo Bắc truyền trong bối cảnh đô thị hiện nay tại chùa Tảo Sách (Hà Nội) và chùa Linh Tiên (Thành phố Hồ Chí Minh) trong thời gian 2019-2020. Bài viết trước tiên trình bày rõ về nguồn gốc, bản chất, mục đích, quy trình, quy mô thực hiện nghi lễ. Tiếp đến, bài viết tiến hành so sánh những điểm tương đồng, khác biệt, đồng thời làm rõ các vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hành nghi lễ này. Nghiên cứu này do đó góp phần đưa lại cái nhìn tổng thể về việc thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực ở hai thành phố lớn nhất cả nước hiện nay, góp phần chỉ ra hình thức tiêu chuẩn của nghi lễ và xác định những biến đổi theo chiều hướng đã làm tổn hại đến tính nhất quán và mục đích, ý nghĩa tốt đẹp ban đầu của nghi lễ.

Từ khóa: Nghi lễ Mông Sơn thí thực; Phật giáo; chùa Tảo Sách; chùa Linh Tiên.

Dẫn nhập

Trong vài thập niên gần đây, Phật giáo có sự phát triển mạnh mẽ ở mọi vùng miền đất nước trên nhiều phương diện như gia tăng số lượng chức sắc và tín đồ, gia tăng cơ sở đào tạo, gia tăng cơ sở thờ tự, kiện toàn tổ chức, giao lưu quốc tế, đa dạng hóa các hoạt động thể tục và

* Thích Hoàng Hóa, nhà tu hành Phật giáo.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 22/12/2021; Ngày biên tập: 12/3/2022; Duyệt đăng: 12/7/2022.

hỗ trợ xã hội. Nghi lễ Phật giáo diễn ra ngày càng thu hút nhiều người dân tham gia và thực hiện, ở cả quy mô lớn như lễ cầu an, cầu siêu, Phật đàn... và quy mô nhỏ như lễ cưới, lễ tang, phả độ gia tiên... Nghiên cứu về Phật giáo đương đại qua nghiên cứu nghi lễ có thể góp phần làm rõ vai trò và vị trí của tôn giáo này trong xã hội Việt Nam nói chung và trong đời sống tôn giáo nói riêng.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến vị trí và vai trò rất quan trọng của Phật giáo trong đời sống hằng ngày của người dân thể hiện qua việc các nghi lễ đã đáp ứng các mong cầu của họ. Nói cách khác, bên cạnh việc mang đến một thế giới quan và nhân sinh quan cùng các nguyên tắc hành xử đạo đức, Phật giáo thông qua nghi lễ còn giúp người dân có được sự an tâm trước những lo lắng của cuộc sống, đồng thời giúp làm dịu đi những cái khổ đau và mệt mỏi. Nghi lễ Phật giáo là những hình thức và nội dung được thể hiện trong toàn bộ hoạt động của Phật giáo từ nếp sống và sinh hoạt hàng ngày của tăng đoàn, sự bố trí của tổ chức giáo hội, sự sắp xếp của một ngôi chùa, cách giao tiếp ứng xử giữa những người tương quan với nhau trong Phật giáo.

Nghi lễ Mông Sơn thí thực là một nghi lễ đặc biệt phổ biến trong Phật giáo truyền vào Việt Nam từ Trung Quốc. Nghi lễ này đã tỏ ra khá phù hợp với văn hóa bản địa về mục đích và ý nghĩa. Nghiên cứu về thực hành nghi lễ này ở Việt Nam có thể giúp làm giàu tri thức về giao lưu tiếp biến văn hóa Phật giáo Trung Quốc và Việt Nam và góp phần làm rõ hơn ảnh hưởng của Phật giáo Bắc truyền ở nước ta.

Những năm gần đây, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng ta thường thấy xuất hiện những chỉ trích, phàn nàn về những biến tướng trong nghi lễ, và cả những hành vi lợi dụng và lạm dụng nghi lễ Phật giáo để trục lợi. Năm 2017, khi lễ Mông Sơn thí thực hoàn tất tại chùa Hương, cảnh tượng người dân lao vào tranh cướp vật cúng để cầu may gây sự phản cảm lớn trong công luận. Lễ dâng sao giải hạn ở một số ngôi chùa càng ngày càng thu hút đông người tham gia, đến mức người dân ngồi tràn ra mặt đường gây cản trở giao thông. Rất nhiều sự việc tương tự khiến cho nghi lễ Phật giáo vì mục đích tốt đẹp cho chúng sinh, nhưng lại bị phê phán từ các phương tiện thông tin truyền thống, từ các tôn giáo khác, và cả giới trí thức.

Sự căng thẳng giữa các luồng ý kiến đã đến mức mà đầu năm 2020, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ký ban hành văn bản chính thức yêu cầu các chùa, cơ sở tự viện và tăng ni khi tổ chức, thực hành các nghi lễ cần đảm bảo trang nghiêm, tiết kiệm, tránh những nội dung không đúng chính pháp Phật giáo. Công văn số 016/CV-HĐTS ngày 06/01/2020 đặc biệt nhấn mạnh tránh thực hiện các hành vi dễ khiến xã hội hiểu lầm là thực hành Phật giáo theo hướng lệch chuẩn, sa vào “cung cấp dịch vụ tâm linh”. Văn bản này yêu cầu cụ thể về việc sử dụng từ ngữ, nhấn mạnh việc tránh những từ như “giải hạn”, “dâng sao giải hạn”, “cắt giải oan gia trái chủ”... Thực tế, có nhiều câu hỏi đang đặt ra về nghi lễ nào là của Phật giáo, mang truyền thống trong Phật giáo, và nghi lễ nào không phải là của Phật giáo nhưng tăng, ni và Phật tử vẫn thực hiện. Chính thực hành nghi lễ hiện nay đang là vấn đề gây chú ý đến Phật giáo và những thực hành không rõ nguồn gốc có thể làm tổn hại đến thanh danh, uy tín và sự nhất quán của Phật giáo. Do đó, nghiên cứu làm rõ nguồn gốc, xuất xứ, mục đích, nội dung và hình thức của một nghi lễ thường thấy trong thực hành Phật giáo giúp giải đáp những thắc mắc và chỉ trích đó, góp phần minh định vấn đề, và bảo vệ Phật giáo trước những tấn công vô cớ, chụp mũ, một chiều...

Nghi lễ Mông Sơn thí thực đang khá thịnh hành ở Phật giáo Bắc tông ở cả miền Nam, miền Trung và miền Bắc nước ta hiện nay. Tuy nhiên, nhiều người còn chưa rõ bản chất của nghi lễ này, có nhiều thắc mắc về những khác biệt trong thực hành nghi lễ này ở các chùa khác nhau và ở vùng miền khác nhau. Thậm chí, người ta cũng đặt câu hỏi rằng đây có phải là một nghi lễ thực sự thuộc Phật giáo? Hay đó là một hình thức vay mượn, một thực hành mang nhiều tính mê tín và cũng thể hiện động cơ không phải là thực sự tôn giáo ở đằng sau?

Cho tới nay, có rất ít nghiên cứu khoa học đề cập đến nghi lễ Mông Sơn thí thực. Nghi lễ này chủ yếu xuất hiện trong những cuốn sách chú giải, diễn giải và hướng dẫn thực hiện nghi lễ Mông Sơn thí thực của các nhà tu hành Phật giáo. Rất cần có nhiều những nghiên cứu chuyên sâu về nghi lễ này để hiểu rõ hơn về nghi lễ Phật giáo và vai

trò của nó với đời sống Phật tử cũng như người dân hiện nay. Đặc biệt, cũng cần có những so sánh và đối chiếu trong thực hành nghi lễ này trong các bối cảnh tôn giáo và văn hóa khác nhau. Đồng thời, nghiên cứu theo hướng này góp phần làm rõ những chuyển biến, đổi mới trong nghi lễ để thấy những biến đổi trong Phật giáo nhằm thích ứng với xã hội hiện đại.

Bài viết này trình bày về nghi lễ Mông Sơn thí thực, tập trung vào thực hành nghi lễ này trong bối cảnh ngày nay, qua khảo cứu hai trường hợp là: chùa Tảo Sách (Hà Nội) và chùa Linh Tiên (Thành phố Hồ Chí Minh) trong thời gian 2019-2020. Dữ liệu của chúng tôi chủ yếu có được từ quan sát tham dự (tác giả chính là một nhà tu hành và có nhiều năm thực hiện nghi lễ này ở cả hai chùa), từ các cuộc phỏng vấn sâu các nhà tu hành, Phật tử và người có nhu cầu thực hiện nghi lễ, và từ những trao đổi, thảo luận với những nhà nghiên cứu có cùng mối quan tâm. Bên cạnh việc trình bày rõ về mục đích, bản chất, quy trình, quy mô thực hiện nghi lễ, chúng tôi cũng làm rõ các vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hành nghi lễ này. Nghiên cứu này do đó góp phần đưa lại cái nhìn tổng thể về nghi lễ Mông Sơn thí thực ở hai thành phố lớn nhất cả nước hiện nay.

1. Nghi lễ Mông Sơn thí thực trong kinh điển Phật giáo

Trong kinh điển Phật giáo, từ kinh *Phật thuyết Đà la ni Cứu bạt Ngạ quỷ Diệm Khẩu*, gọi tắt là kinh *Diệm Khẩu*, đã có ghi lời dạy của Đức Phật về cách cúng tế cho các cô hồn và ngạ quỷ. Sau này, nghi thức cúng Mông Sơn thí thực được biên soạn ở Trung Quốc, trên cơ sở luận giải và kết hợp những gì có trong kinh điển gốc của Phật giáo. Nghi thức này giờ đây có thể thấy trong kinh *Vu lan* hay *Chư kinh nhật tụng*. Nó cũng là một phần trong các nghi lễ quen thuộc của Phật giáo Bắc truyền ở Việt Nam, như: trai đàn chẩn tế, phả độ gia tiên, cúng thất tuần, cúng Mụ (cho trẻ em), lễ Hằng thuận, v.v...

Nghi lễ này được giới thiệu trong một số cuốn sách ấn tống ở Việt Nam, như: *Mông Sơn thí thực yếu giải*; *Mông Sơn thí thực khoa nghi*; *Mông Sơn thí thực giản yếu*; *Mông Sơn thí thực diễn nghĩa*... Nhìn chung, các cuốn sách này đã làm rõ về: nguồn gốc của nghi lễ trong kinh điển Phật giáo; quá trình hình thành và phát triển qua thời gian

đặc biệt liên quan đến Phật giáo ở Trung Hoa; mục tiêu và quy trình thực hiện nghi lễ; các ngôn ngữ và đồ dùng sử dụng trong quá trình thực hiện nghi lễ này.

Tên “Mông Sơn thí thực” không có kinh điển Phật giáo nguyên thủy, chỉ xuất hiện trong kinh điển Phật giáo truyền từ Trung Quốc. Tuy thế, nghi lễ này không phải là một sự sáng tạo, mà căn bản là dựa theo lời dạy của Đức Phật. Nghi lễ Mông Sơn thí thực đã được nói đến trong một số bộ kinh sau đây của Phật giáo Bắc truyền: *Du Già – Diệm Khẩu thí thực*; *Nhị khóa hợp giải*; *Chư khoa thủy lục*; *Mông Sơn thí thực yếu giải*; *Mông Sơn thí thực khoa nghi*; *Mông Sơn thí thực giản yếu*; *Mông Sơn thí thực diễn nghĩa*. Bên cạnh đó, nghi lễ Mông Sơn thí thực còn được nhắc đến rất cụ thể trong *Chư kinh nhật tụng*. *Chư kinh nhật tụng* là tuyển tập các kinh chú thường tụng trong ngày của Phật tử tại gia cũng như xuất gia, được dịch từ phiên âm Hán-Việt và thường được tụng tại các chùa theo Bắc truyền. Kinh thuộc về Hiền giáo, dịch nghĩa rõ ràng. Chú thuộc Mật giáo, phần nhiều để nguyên văn chữ Phạn, gọi là bí mật thân chú, mỗi thân chú đều có sự hiệu nghiệm khác nhau.

Kinh *Du già Diệm khẩu Thí thực* kể lại rằng một hôm Đức Thế tôn ở Tăng Già lam ni Cu Luật Na thuộc thành Ca Tỳ La có giảng pháp. Lúc ấy ngài A Nan đang tĩnh tọa ở một nơi khác. Vào nửa đêm hôm đó, có một naga quý với thân hình cao to, khô đét, miệng đỏ rực, lửa cháy theo hơi thở, đầu tóc rối bồng bênh, sợi tóc cứng và nhọn như kim, trông rất ghê sợ. Con quý xuất hiện trước mặt tôn giả A Nan và nói lớn: “Bạch ngài, ba ngày nữa ngài sẽ chết và đọa làm quỷ Diệm Khẩu như tôi”. Nó nói tiếp: “Ngài muốn khỏi chết thì chỉ có một cách là ngài phải cúng thí mỗi phần 77 hộc đồ ăn cho vô số loài Diệm Khẩu Quý, các tiên vong các nghiệp đạo, minh quan âm ty chư vong số đông gấp trăm ngàn lần hàng hà sa số và thay mặt naga quý chúng tôi cúng dường Tam bảo thì không những chỉ ngài mà các bạn đồng hành cùng ngài trên đường tu đều được trường thọ phước đức vô lượng”. Nghe được truyện này, Đức Thế tôn giảng các kinh: “Du già Diệm khẩu thí thực khoa nghi”, “Phật thuyết cứu diệm nhiên naga quý Đà la ni thần chú kinh”, “Phật thuyết thiết thành Nê lê kinh”, “Du già tập yếu cứu Anan, Đà La ni nghi quý”. Ý nghĩa cơ bản của các kinh này là

đem tất cả vật thực tâm nguyện cúng dường mười phương thường trụ Tam bảo, xong dùng năng lực của chư Phật biến thức ăn này thích hợp với từng loài ngạ quỷ và thành số lượng rất nhiều khiến cho chúng no đủ. Thức ăn này cũng biến thành “pháp thực thiên diệc thức” làm tiêu trừ nghiệp chướng vãng sanh tức khắc về thế giới Tây phương, được hạnh “bất thoái chuyển”, không rơi vào ba đường ác.

Khi Phật giáo được truyền về Trung Quốc, đã diễn quá trình biên dịch, biên soạn qua nhiều thời kỳ, thậm chí có sự thích ứng hóa kinh điển Phật giáo với nhu cầu của đời sống hiện thực. Trong quá trình các pháp sư Trung Quốc kết hợp đàn chẩn tế cô hồn với các tín ngưỡng dân gian khác, thậm chí của Đạo giáo, đã hình thành nghi lễ có đặc thù. Theo luận giải của các tác giả đã biên soạn các cuốn sách về nghi lễ Mông Sơn thí thực, nhà sư Huyền Trang đời Đường đã có đóng góp cho việc hình thành đàn chẩn tế dành cho cô hồn. Đến đời Tống, ngài Bất Không Tam tạng tu theo Mật giáo tại núi Mông đã soạn ra nghi thức cúng thí cho cô hồn. Từ đó, nghi thức này đạt sự hoàn chỉnh và ổn định nhất định và được lưu truyền rộng rãi. Tên của nghi thức lấy theo địa danh núi Mông, nên mới được gọi là Mông Sơn thí thực.

Về mục đích của nghi lễ, theo giải thích của một số tác giả đã viết sách giới thiệu về nghi lễ Mông Sơn¹, Đức Phật qua câu chuyện của tôn giả A Nan gặp mặt Diệm Khẩu Quý dạy rằng cô hồn, ngạ quỷ là những người khi còn sống đã tạo nghiệp xấu, hoặc bị chết oan, tất cả đều vương vẩn trần gian, khó được siêu sinh. Biết cách giúp chúng hóa giải nghiệp xấu thì có thể đầu thai hoặc vãng sinh về Tịnh Độ. Việc lập đàn chẩn tế cô hồn là để hỗ trợ cho những loài ấy hóa giải nghiệp chướng của mình. Làm các loài ấy an ổn, không còn quấy nhiễu, thì người còn sống cũng sẽ an ổn. Như vậy về cơ bản, mục đích thực hiện nghi lễ Mông Sơn thí thực là lập trai đàn chẩn tế siêu độ cho cô hồn, ngạ quỷ, âm linh.

Nội dung chính của nghi lễ được trình bày theo trình tự nghi lễ như sau: Trước hết, người chủ lễ niệm danh hiệu Bồ tát Diệm Nhiên ba lần, và tụng bài Sám nhắc nhở các cô hồn muốn sinh về cõi Tịnh Độ thì phải tập trung lắng nghe bốn câu trích từ kinh *Hoa Nghiêm*, nói về việc phải quán sát tất cả các pháp. Tiếp đến, người chủ lễ tụng ba bài

thần chú để phá cửa địa ngục. Như thế, các cô hồn mới có thể thoát ra. Tiếp nữa, người chủ lễ tụng bài thần chú mời các cô hồn tới cửa chùa để nghe kinh; nhận thức ăn và nước uống. Cuối cùng, quan trọng nhất là chủ lễ tụng bài thần chú chấm dứt các nghiệp chướng giúp các cô hồn tĩnh tâm và niệm theo danh hiệu của chư Phật ở mười phương; hướng các cô hồn tu học và nguyện thành Phật. Còn có những bài thần chú được tụng để giúp cho mở rộng yết hầu của các ngạ quỷ do đó có thể thụ hưởng đồ ăn, đồ uống.

Về cơ bản, nghi lễ Mông Sơn thí thực nằm trong nghi lễ Trai đàn chân tế. Trong kinh điển đã ghi rõ lời Đức Thế Tôn dạy cho ngài A Nan nhiều tiết mục cúng thí cho các loài ngạ quỷ được ăn bằng xúc thực, ý tứ thực theo thứ tự: mua sắm các thực phẩm nấu chín, bày biện lên bàn, có hương hoa, trà quả; rồi chấp tay nhất tâm phụng thỉnh chư vị cổ Phật đến đạo tràng cúng tế, để giúp chúng sinh cõi âm được ăn, uống cùng nghe rõ lời kinh, lời pháp khai thị của chư Phật một cách trật tự và hanh thông, sau đó yết hầu được mở rộng để được ăn uống dù bằng “xúc thực” hay “ý tứ thực” vẫn cảm thấy thỏa mãn.

Tóm lại, nghi lễ Mông Sơn thí thực chỉ xuất hiện khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc, vận hành trong bối cảnh Trung Quốc trước kia vốn có nhiều loạn lạc, chiến tranh triền miên dẫn đến nhiều người chết và người sống thì đau khổ vì mất mát. Mặc dù cơ bản dựa theo lời dạy của Đức Phật ghi trong kinh điển nguyên gốc, có sự pha trộn trong cách hình thành, ngôn từ sử dụng nghi lễ này, cũng như kết hợp với các niềm tin có tính tôn giáo và đậm chất dân gian và bản địa. Sau này, khi Phật giáo truyền về Việt Nam từ Trung Quốc, đã có sự tiếp nhận nghi lễ này. Có ý kiến cho rằng đã xuất hiện các nghi lễ chân tế cô hồn, cầu siêu cho chiến sĩ và đồng bào chết trận từ thời nhà Trần thế kỷ XIII-XIV. Rất có thể, nghi lễ đã được tiếp thu và biến đổi để phù hợp với quan niệm tâm linh, nhu cầu và bối cảnh đặc thù ở Việt Nam sau này.

2. Thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực tại chùa Tảo sách và chùa Linh Tiên

Giới thiệu về hai ngôi chùa

Chùa Tảo Sách

Chùa Tào Sách có tên là chùa Linh Sơn. Nhân dân địa phương quen gọi là chùa Nhật Tân vì chùa tọa lạc tại thôn Nam, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Trước đây, chùa được đặt theo hướng Tây Nam, nay được đặt theo hướng Đông Nam, nằm ven Hồ Tây. Về mặt phong thủy, chùa ở vào thế long châu, hổ phục. Bên trái dòng Nhị Hà như Thanh Long châu vào, bên phải núi Long Đỗ như Bạch Hổ bái phục. Nằm ở vùng đất trên đào, dưới sen, ngôi chùa được cho là tọa lạc “nơi cảnh tiên, đất Phật”. Câu đối ở thiên trụ trước chùa mô tả cảnh đẹp nơi này:

*“Lăng Bạc thanh phong, thủy nhiều hoa hoàn trung thắng địa
Tây Hồ minh nguyệt, dân Khang vật thịnh hiển linh cơ”*

Dịch nghĩa:

“Lăng Bạc gió mát, nước biếc hoa vờn ngời thắng địa
Hồ Tây trăng trong, dân Khang vật thịnh tỏ thần thiêng”.

Về niên đại của chùa, dựa vào tấm bia Linh Sơn tự kỷ niệm bia ký, khắc năm Bảo Đại Tân Ty (1927) có ghi “Hà Đông tỉnh, Hoàn Long huyện, Thượng Tổng, Nhật Tân xã, Tào Sách tự tự Tiên Lê chí sử kiến lập”, có thể đoán định niên đại xây dựng chùa vào thời Tiên Lê (980-1009).

Chùa Tào sách kiến trúc theo kiểu chữ Đinh, rộng 12.000 m², còn lưu giữ được rất nhiều tư liệu Hán Nôm có giá trị, được Nhà nước công nhận Di tích lịch sử văn hóa năm 1994. Trong chùa có 42 câu đối (39 câu đối chữ Hán, 3 câu đối chữ Nôm), 23 bức đại tự, 2 quả chuông trong đó 1 quả đúc năm Minh Mệnh tam niên, 24 văn bia, trong đó có đến 12 bia được lập vào năm Tân Ty niên hiệu Bảo Đại (1941). Nội dung văn bia, chủ yếu là bia hậu ghi tên những người công đức tiền của giúp chùa xây dựng Phật đường và sửa sang phạn vũ. Ngoài ra còn có những văn bia có giá trị khác như Linh Sơn tự kỷ niệm bi ký (Bia ghi về kỷ niệm của chùa Linh Sơn) của Hòa thượng Phan Trung Thứ lập vào năm Tân Ty niên hiệu Bảo Đại (1941); Cự Tào Sách Hoa Nghiêm hội bi ký (bia ghi về hội Hoa Nghiêm của chùa Tào Sách cũ) và Linh Sơn tự Hoa Nghiêm hội bi ký (bia ghi về hội Hoa Nghiêm chùa Linh Sơn) của Cúc Hương Hoàng Thúc Hội; hai tấm bia này đều được lập vào năm Bảo Đại thứ 8 (1933). Tấm bia thứ

nhất nói về hoạt động của hội Hoa Nghiêm, lấy kinh Hoa Nghiêm làm tông chỉ, mục đích là siêu độ cho thân nhân của những người trong hội, cùng những quy ước của bản hội. Tấm bia thứ hai ghi về việc Cúc Hương Hoàng Thúc Hội mang phả điệp của những người trong hội khắc lên đá để lưu truyền danh tiếng.

Từ năm 1986 đến nay, chùa được mở rộng khuôn viên, xây tường chắn sóng, xây dựng nhà bia, nhà khách, sửa sang nhà tổ, dựng tượng Địa Tạng Bồ Tát đứng trên tòa sen, v.v... Chùa Tảo Sách xưa thuộc thiền phái Tào Động vốn xuất hiện từ thế kỷ XVI ở nước ta. Chùa cùng sơn môn với chùa Hòe Nhai (còn gọi là chùa Hồng Phúc), chùa Quảng Bá, chùa Mễ Trì Thượng, chùa Bồ Đề... Chùa Tảo Sách là điển hình của tư tưởng tôn thờ Tam giáo.

Chùa Linh Tiên

Linh Tiên Bửu điện tự là một ngôi chùa đẹp, cổ kính có lịch sử lâu đời ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chùa được thành lập năm 1773. Năm 1857, chùa được đại trùng tu khang trang. Hiện nay, nhân dân quen gọi ngắn gọn là chùa Linh Tiên, ngụ tại 19/5 đường Đặng Thị Rành, khu phố 4, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiến trúc của chùa được xem là tiêu biểu cho lối kiến trúc chùa ở vùng Nam Bộ. Chùa có hình chữ nhật, gồm ba lớp nhà chính: chính điện, giảng đường và nhà trai. Bên cạnh đó, còn có các nhà phụ. Chùa Linh Tiên hiện đang lưu giữ những bức tượng điêu khắc bằng gỗ đẹp và rất quý giá. Chính điện được trang trí bàn thờ lớn cùng với tượng và tranh vẽ miêu tả khung cảnh Đức Phật đản sinh tạo không khí nghiêm trang. Khuôn viên chùa được trang hoàng với rất nhiều dây đèn lồng đẹp mắt, có hồ sen đẹp cho hoa nở tỏa hương thơm mát, bên dưới nuôi hàng trăm con rùa. Đây là nơi phóng sinh rùa của các Phật tử khi đến tham quan chùa. Nơi đây còn lưu giữ nhiều tư liệu về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tôn giáo. Du khách đến đây ngoài việc tham quan chùa còn có thể tìm hiểu những thông tin liên quan đến văn hóa Phật giáo vùng Nam Bộ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chùa còn là cơ sở cách mạng nuôi giấu nhiều cán bộ cách mạng và in ấn, phát hành nhiều tài liệu của Đảng phục vụ cho các cuộc kháng

chiến. Các hòa thượng Thích Thiện Bửu, Thích Bửu Cảnh, Thích Thành Đạo và Thích Bửu Tính cùng các tăng ni, Phật tử của chùa đều tham gia cách mạng được Nhà nước bằng khen, hiện còn lưu tại chùa.

Quy mô và quy trình thực hiện nghi lễ Mông Sơn thí thực

Nếu chia theo quy mô, thì có ba cấp độ nghi lễ. Nghi lễ Mông Sơn thí thực có thể được thực hiện ở các quy mô lớn nhất gọi là Đại Mông Sơn thí thực, cỡ vừa là Trung Mông Sơn thí thực, hoặc cỡ nhỏ là Tiểu Mông Sơn thí thực. Phổ biến nhất thì có nghi lễ Mông Sơn do nhà chùa chủ động thực hiện, hướng tới phạm vi và đối tượng rộng lớn, do đó có quy mô lớn. Các trai đàn chẩn tế, nghi lễ cầu siêu Phật giáo cho các vong linh, cho chiến sĩ hi sinh chiến trận, nạn nhân của thảm họa thiên nhiên thuộc vào loại này. Gia chủ cũng có thể yêu cầu một nghi lễ Mông Sơn thí thực ở quy mô khác nhau, thường là vừa, tại nhà riêng của mình. Nghi lễ này đòi hỏi phải có nhà sư làm chủ lễ, với đầy đủ vật lễ. Nghi lễ Mông Sơn loại giản lược (Tiểu Mông Sơn thí thực) thậm chí đồ lễ chỉ cần có một cốc nước và một bát cháo loãng. Nghi lễ này do nhà chùa thực hiện hàng ngày ở chùa, hoặc gia chủ có thể tự làm tại nhà. Đối với quy mô tại gia, tùy theo nhu cầu phát nguyện của người muốn làm lễ mà nghi lễ được thực hiện ở quy mô lớn hay nhỏ, từ đó sự chuẩn bị vật cúng, pháp cúng và tâm cúng có phần khác nhau.

Về kết cấu, nghi lễ Mông Sơn thí thực thường có hai giai đoạn chính, là chuẩn bị và tiến hành. Theo quan sát của chúng tôi, nghi lễ Mông Sơn thí thực diễn ra tại hai ngôi chùa khá tương đồng về quy trình thực hiện. Đây là quy trình có thể thấy ở hầu hết các ngôi chùa. Lý do chính là vì người thực hiện đều căn cứ vào những cuốn sách đã biên soạn về cách thực hiện nghi lễ này.

Quy trình thường thấy của một buổi lễ gồm bảy bước cơ bản như sau:

- (1). Niệm hương, lễ Tô và thỉnh Phật
- (2). Thỉnh Tam bảo tiếp dẫn chân linh
- (3). Quy y linh
- (4). Phát tấu trình Ngũ phương sứ giả
- (5). Tụng kinh trì chú

(6). Chủ lễ thượng đàn khai cúng Mông Sơn thí thực, kiết ấn, trì chú

(7). Phóng sinh hoàn mã

Cũng cần lưu ý là có gia chủ làm lễ này để cúng tế cô hồn, có gia chủ làm nghi lễ này cho người thân vừa mất của mình. Tùy theo yêu cầu mà có những thay đổi nhỏ. Để một nghi lễ diễn ra, khâu chuẩn bị cũng quan trọng như lúc tiến hành. Dưới đây, tác giả sẽ trình bày chi tiết hơn.

Các bước chuẩn bị:

Chuẩn bị vật cúng: Các lễ vật thông thường là: hoa, quả, nhang, đèn, thức ăn, thức uống, các loại bánh kẹo...; hoa là biểu tượng của sự kết tinh đời sống đức hạnh; quả là trái cây, biểu tượng cho thành quả hạnh phúc, an lạc bằng chính đời sống đạo đức gia phong, đạo đức dân tộc; nhang là biểu tượng hương thơm của năm đức tính giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến (từ chuyên môn Phật giáo gọi là ngũ phần hương); đèn là biểu tượng ánh sáng của hiểu biết và thương yêu rộng lớn (thắp đèn là thắp sáng trí tuệ và từ bi); thức ăn và thức uống là biểu tượng cam lồ mỹ vị xuất phát từ lòng chí thành thanh tịnh của người dâng cúng, vì vậy dâng cúng xôi, chè, cơm, thức ăn chay (thanh trai) và thức uống chỉ là nước trà, nước lọc, nước ngọt thì mới phù hợp với ý nghĩa biểu hiện của lòng chí thành thanh tịnh dâng cúng Tam bảo và Hộ pháp Thiện thần và các người quá cố trong thân tộc nội ngoại. Ngoài ra, các lễ vật cúng Mông Sơn còn có thêm phần giấy tiền vàng mã. Đây là một tập tục văn hóa tín ngưỡng của người Trung Hoa có từ rất lâu, người Việt Nam chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng này nhưng hiện nay đã bị biến tướng nhiều.

Với quan niệm “trần sao, âm vậy” nên trong dịp này, người dân đều chuẩn bị đồ cúng rất tươm tất, đặc biệt là vàng mã với mong muốn để người đã khuất được hưởng cuộc sống sung túc, đầy đủ vật chất, báo hiếu tổ tiên. Theo tục lễ cũ, những vàng mã ấy là do các gia đình tự cắt theo kiểu tượng trưng, không tốn kém và thể hiện lòng thành, tâm nguyện của người sống. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây, tập tục đốt vàng mã trong ngày xá tội vong nhân đã bị biến tướng. Hàng mã nay có cả đầu gối đầu, đồ gia dụng, người giúp việc cho đến xe máy, ô tô và biệt thự... Giá các loại đồ mã cũng tùy theo từng mặt hàng “thời thượng” mà có giá từ vài trăm nghìn đến vài triệu đồng...

Lễ vật dâng cúng trong các nghi lễ là biểu tượng xuất phát từ tấm lòng thành kính và thanh tịnh của gia chủ. Theo cách hiểu của chúng tôi, lễ vật giấy tiền vàng mã mang ý nghĩa biểu tượng của y báo (*quả báo nương theo*) cho nên dâng cúng lễ vật giấy tiền vàng mã cho người quá cố là thể hiện ước nguyện cho người quá cố khi hội đủ duyên lành thác sinh ở một cảnh giới nào đó, đều được nhận và hưởng y báo tốt đẹp. Với ý nghĩa đó, không nên quá lạm dụng lễ vật này quá mức, tránh tình trạng phung phí tiền của mà không mang đến lợi ích, thậm chí còn tạo điều kiện cho biến tướng của văn hóa tín ngưỡng nhân gian rơi vào hệ lụy của mê tín.

Chuẩn bị pháp cúng: Về pháp khí, bao gồm các loại sau: Trống Bát nhã (Đại cô), trống Đạo (Trống công phu sáng + chiều), trống Bảng (Trống cái), Chuông (Đại hồng chung), Chung (Bảo chúng), Bảng (Bảng bằng gỗ, bằng đồng) thời xưa gọi là Ngọc Bảng thỉnh truyền âm thanh vang xa; Chuông (Chuông gia trì), Mõ (Mõ gia trì) trên chiếc Mõ luôn bao giờ cũng được các nghệ nhân khắc chạm hình trạng con cá hóa long rất tinh vi không kém phần Thiền ý; Kiền chùy, Tang (Đầu), Nạo bạc. Về pháp phục, sư thầy mặc bộ áo pháp màu hồng gấm màu đỏ huyết có chín điều còn gọi là Y cửu (Y thép) không cắt dọc mỗi đường điều, bản to viền màu xanh; hậu vàng nâu sậm; tay dài theo bản địa; đội mũ ngũ Phật.

Chuẩn bị tâm cúng: Sư thầy thực hiện nghi lễ bằng công năng nguyện lực, niệm lực tâm linh. Mỗi vị sư thực hành nghi lễ là đại diện cho mỗi công năng nguyện lực, niệm lực khác nhau. Phần này cũng tùy thuộc vào điều kiện và sự phát nguyện của gia chủ, thỉnh nhiều hay ít những người thực hành nghi lễ (tu sĩ và cư sĩ Phật giáo) để nương vào năng lượng tâm linh gia trì của họ, đạt được ước nguyện chuyển tải năng lượng chánh báo, y báo tốt đẹp của mình đến người thân quá cố, để họ được nương nhờ, ngộ hầu siêu thoát vòng luân hồi đầy sinh tử và khổ đau.

Tiến hành nghi lễ

Dưới đây là các hành vi thường quan sát được, cơ bản tuân theo thứ tự này và không sai khác với quy trình đã khái quát ở trên.

Niêm hương để bạch Tổ, bạch Phật: đầy đủ là niêm hương cúng dường và cung bạch với Phật. Vị chủ lễ đại diện cho tất cả những

người thực hành nghi lễ và gia chủ niệm thầm bài kệ cúng dường ngũ phần hương và mục đích chính của buổi lễ.

Đọc các Mật chú để tịnh hóa thân tâm và không gian: Mật chú là bí mật chân ngôn, còn gọi là Thần chú - nghĩa là kết tinh nguyện lực Đại Bi Tâm của chư Phật, Bồ tát, Thánh hiền và Quý, Thần Hộ pháp. Vị chủ lễ vận dụng công năng đời sống tâm linh của chính mình mật trì (chú tâm niệm thầm để gia trì) những câu thần chú bảo hộ thanh tịnh cho thân, khẩu, ý (tam mật gia trì) và pháp giới (thiên, địa, không gian) đang diễn ra nghi lễ đó.

Quán tưởng Phật: Là chiêm ngưỡng tướng tốt của Phật một cách sâu sắc để khơi lại tự tính Phật trong lòng con người (Phản tướng, tướng tự tâm), làm cho Phật tâm, Phật tính hiển hiện trong suốt thời gian diễn ra buổi lễ.

Xưng tán và đánh lễ Tam bảo: Là ca ngợi sự toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ của Phật, Pháp và Tăng, phát nguyện quay về nương tựa, năm vóc (đầu, hai tay, hai chân) xác đất (quán chiếu ý nghĩa “ngũ uẩn giai không” trong Tâm kinh Bát nhã), buông bỏ cái tôi của thân tâm, cúi đầu đánh lễ quy y Tam Bảo.

Sái tịnh đạo tràng: Vị chủ lễ vận dụng “tam mật gia trì” (năng lực thanh tịnh thân, khẩu, ý của chính mình) chú nguyện vào li nước suối, dùng một cánh dương liễu hoặc cành hoa mật niệm (niệm thầm trong tâm) hoặc trang nghiêm vừa xướng thành lời bài kệ, vừa rảy nước trong đạo tràng:

Bồ tát liễu đầu cam lồ vị

Năng linh nhất trích biến thập phương

Tinh chuyên cầu uế tận quyên trừ

Phổ sái đàn tràng thường thanh tịnh

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ tát.

Nghĩa là:

Đầu cành dương liễu vương cam lồ

Một giọt mười phương rưới cũng đầy

Bao nhiêu trần lụy tiêu tan hết

Đàn tràng thanh tịnh ở ngay đây.

Nam mô Bồ tát Thanh Lương Địa.

Trì tụng chú và kinh: Nhà sư sẽ trì tụng chú *Đại bi*, là kết tinh nguyện lực từ bi cứu khổ của Bồ tát Quán Âm với vô lượng ứng hóa thân, lắng nghe âm thanh đau khổ của thế gian mà thị hiện giúp đỡ một cách tự tại. Công năng này của Thần chú *Đại bi* giúp cho con người tịnh hóa thân tâm và tịnh hóa đạo tràng từ đó mọi ước nguyện siêu độ được cảm ứng và thành tựu. Tại giai đoạn này, còn có việc tụng các kinh, như: *Kệ khai kinh* là bài kinh ngắn thể hiện sự phát nguyện buông bỏ mọi kiến chấp (sự hiểu biết chấp thường, chấp đoạn, chấp đúng, chấp sai...) của cái tôi, để thể nhập vào chánh văn Kinh (lời Phật dạy) nhằm khơi dậy và phát triển tuệ giác (sự thức tỉnh vẹn toàn) của chính mình; *Trì tụng chánh văn* là tụng tuyên (đọc lại) lời Phật dạy, trong đó có Thần thức (còn gọi là Linh hồn) các hương linh cùng lắng nghe, cảm nhận sâu sắc chân lý của nhân, duyên, quả nghiệp thiện ác của chúng sinh trong vòng luân hồi sinh tử khổ đau; *Bát nhã tâm kinh* là nội dung bài kinh ngắn với ý nghĩa biểu hiện sự hiểu biết chân lý vẹn toàn (tuệ giác) của Phật, giúp buông xả tất cả sự hiểu biết còn vướng mắc về chân lý vẹn toàn, và các hương linh hướng đến tinh thần vô ngã, vị tha, đạt được sự giải thoát hoàn toàn.

Ngoài ra, nhà sư còn trì niệm danh hiệu Phật và Bồ tát, nghĩa là nương và tha lực của chư Phật và chư Bồ tát giúp đỡ cho các chân linh có được sự thành tựu chính báo và y báo tốt khi đủ duyên lành thác sinh vào một cảnh giới nào đó; Trì tụng Thần chú *Vãng sinh* cực lực, với ước nguyện cho các chân linh được siêu sinh về cảnh giới có đầy đủ phước đức của chánh báo và y báo trang nghiêm như cảnh giới Tây phương Tịnh độ của Phật A Di Đà.

Tuyên sớ: Bao nhiêu công đức, bấy nhiêu hương hoa của buổi lễ,... vị chủ lễ thể hiện lời ước nguyện bình an một cách thành thật, tha thiết xuất phát từ tâm thù thắng của chính mình, gia trì cho gia chủ thành tựu ước nguyện siêu độ cho các hương linh trong thân tộc.

Hồi hương: Trong quan điểm của Phật giáo, lời ước nguyện trên không chỉ dừng lại cho trai gia hiếu quyến mà còn thể hiện sự ước nguyện khắp cho mười phương pháp giới chúng sinh trong hai cõi âm

đương đều được sự lợi lạc chung của buổi lễ cầu siêu này, được gọi là “âm siêu dương thái”, tất cả chúng sinh đều trọn thành Phật quả (quả vị giác ngộ, giải thoát khổ đau hoàn toàn).

Tam tự quy: Cuối cùng của buổi lễ, vị chủ lễ hướng dẫn mọi người quay về nương tựa, đánh lễ Tam Bảo, phát nguyện cùng nhau tiếp nhận, thực hành và phát triển năng lực ba đức tính: tỉnh thức, chân thật - trong sáng, yêu thương bình đẳng - hòa hợp ngay trong tâm thức của chính mình, để cho mình và người vĩnh viễn không còn luân hồi khổ đau do nghiệp chướng, bất an tạo ra.

Lễ phóng sinh và hoàn mãn: Sư thầy chủ lễ đọc kinh trì chú cho các loài súc sinh nghe lời kinh tiếng kệ để được chuyển nghiệp. Sau đó, sư thầy cùng các Phật tử phóng sinh. Cuối cùng, Phật tử hoặc gia chủ tiến hành hóa vàng và kết thúc buổi lễ.

Như có thể thấy, đây là một đàn lễ lớn, với nhiều công đoạn phức tạp. Quan sát cho thấy công việc chủ yếu là của các nhà sư, đặc biệt là người chủ lễ. Nhưng Phật tử hoặc gia chủ cũng có vai trò nhất định, như tán tụng, thể hiện sự nhất tâm để nghi lễ đạt hiệu quả cao nhất.

3. Những tương đồng và khác biệt trong thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực tại chùa Tảo Sách và chùa Linh Tiên

Để có thể so sánh về tương đồng và khác biệt, chúng tôi tập trung vào một số tiêu chí chủ yếu, bao gồm động cơ thực hiện nghi lễ, người chủ lễ, người có nhu cầu thực hiện nghi lễ, và hình thức tiến hành.

Những điểm tương đồng

Về động cơ và mục đích thực hiện nghi lễ: Hiện nay, nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt, con người gặp nhiều áp lực trong việc mưu sinh, công ăn việc làm hay thăng quan tiến chức,... đặc biệt là hai thành phố lớn nhất nước là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Và khi cuộc sống xung quanh có nhiều nỗi âu lo, buồn, khổ... tất cả vượt ngoài tầm kiểm soát của họ, khiến con người không còn tự chủ được, mà cảm nhận ảm chứa sau những điều kỳ bí trong cuộc đời là có một ai khác đã xếp đặt “số kiếp” cho họ. Từ đó, họ quan niệm rằng, phải nương nhờ vào sự che chở của thần, Phật, sự cúng tế thể mạng, sự trao đổi qua lại để tìm kiếm sự bình an. Vì thế, họ tìm đến các nơi có thể giải tỏa những

âu lo, sợ hãi qua hình thức “cầu an, cầu siêu” xem đây là cứu cánh của sự xoa dịu, an ủi, bình an cho tâm thức. Sự thực, nhu cầu đơn giản của con người luôn khao khát về sự bình an cho bản thân được khỏe mạnh, sống lâu, sự nghiệp hanh thông; mong muốn cho gia đình, người thân được an hòa hạnh phúc; ước nguyện cho xã hội được yên bình... Một Phật tử gắn bó với chùa Linh Tiên cho biết: “Ngày trước, gia đình khó khăn không có điều kiện làm lễ cứ đói khổ mãi. Từ ngày được mọi người khuyên bảo, hàng năm nằng đến chùa kính Thầy làm lễ mọi người trong gia đình khỏe mạnh, chồng được thăng quan tiến chức, được ở nhà biệt thự nên năm sau gia đình lại sầm lể to hơn năm trước” (PVS, nữ, 46 tuổi, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh). Phật tử nói trên hướng vào sự tiếp tục thịnh vượng của gia đình. Nói cách khác, thực hiện nghi lễ là một cách trả ơn đáng Thiên và tổ tiên đã phù giúp cho gia đình có đời sống vật chất ngày một tốt hơn và người chồng có vị trí xã hội cao hơn.

Nhưng một trường hợp ở chùa Tào Sách, Hà Nội chúng tôi phỏng vấn lại cho thấy mối quan tâm đặt nhiều hơn vào sự an toàn của người thân và sự an định trong tâm hồn: “Gia đình tôi có ông bác cả bị hi sinh trong kháng chiến chống Pháp không tìm được mộ nên từ năm 1990 trở về đây, kinh tế khá hơn năm nào chúng tôi cũng sắm lễ đến chùa nhờ Thầy lập đàn cúng cầu cho linh hồn bác và các đồng đội của bác được siêu thoát, bác nhận được tiền và quần áo dùng cho cả năm, cầu xin bác gia hộ cho đại gia đình được bình an, cho thằng con trai tôi đang đi lính chân cứng đá mềm, không bị va phải bom mìn, tên bay đạn lạc,...” (PVS, nam, 62 tuổi, quận Tây Hồ, Hà Nội).

Đề cảm hóa lòng người, đồng thời cũng để an lòng người dân, Phật giáo đưa ra nhiều cánh cửa phương tiện cho tất cả người hữu duyên, trong đó nghi thức cầu an, cầu siêu được vận dụng như một giải pháp “thức thời” cho nhu cầu tinh thần của người dân. Dần dần trở thành nghi lễ nhật tụng đối với tín đồ, vì rằng trong suốt một đời người (tín đồ Phật giáo) cũng ít nhất một lần cần đến các nghi thức trên. Vì vậy, có thể nói động cơ lập Trai đàn cúng thí thực, trong đó chủ yếu theo hình thức của nghi lễ Mông Sơn thí thực xuất phát từ chính các chùa và nhu cầu và mong muốn của Phật tử, đặc biệt là của nhân dân trong

giải quyết những vấn đề họ quan tâm nhất trong đời sống hàng ngày và cả những quan ngại về cuộc sống sau khi chết.

Mục đích lập trai đàn chẩn tế ở cả hai chùa đều là thực hiện các nội dung phả cúng gia tiên, cúng cho các loài chúng sinh, thập loại cô hồn, chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn và chư oan hồn trẻ chết sớm, ngạ quỷ đói khát đến thụ lộc, nghe kinh kệ để được siêu sinh thoát hóa, người sống tâm an, hoan hỷ, vui vẻ. Quan sát và phỏng vấn của chúng tôi cho thấy những người có nhu cầu đến làm lễ ở chùa Linh Tiên và chùa Tảo Sách đều muốn lập đàn cúng để được tin rằng người thân đã mất được siêu thoát không bị đọa lạc vào chốn địa ngục; tri ân các anh hùng liệt sỹ tử trận; làm phúc cho các oan hồn, yếu tử nương vào đàn cúng mà được ăn no, nghe lời kinh tiếng kệ để được vãng sinh về thế giới an lành của Đức Phật A Di Đà.

Về người chủ lễ: Ở hai chùa, người thường đứng ra làm chủ lễ lớn là các vị trụ trì chùa, là những hòa thượng có tâm thành, có uy tín trong Giáo hội Phật giáo Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Các thầy đều đã học khoa nghi lễ của Phật giáo và việc thực hiện nghi lễ phù hợp với từng vùng miền và được nhân dân và Phật tử trong thành phố và các tỉnh lân cận tôn kính, cậy nhờ. Các hòa thượng chính là người kết nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, giữa người đã qua đời, người đang sống và người hành lễ; giữa không gian, thời gian và địa điểm. Nếu người hành lễ tịnh hóa thân tâm, giữ gìn giới luật thì công năng tu tập và đạo hạnh sẽ hiển lộ thông qua sắc tướng và năng lực hành trì trong việc thực hiện nghi lễ. Nếu tín đồ hiểu được mục đích của nghi lễ và cảm nhận được năng lực chuyển hóa của người hành lễ thì hiệu ứng của nghi lễ Mông Sơn thí thực trong Phật giáo sẽ đạt được mục đích sau cùng: dùng phương tiện (cầu an, cầu siêu) mà chuyển hóa nhận thức của tín đồ, giúp họ nhận chân được nguyên nhân của đau khổ, bất an và phương cách giải thoát khổ đau, kiến tạo hạnh phúc trong hiện tại. Dù thực hiện lễ cúng Tiểu, Trung, hay Đại Mông Sơn thí thực, các sư thầy đều hành lễ rất nghiêm cẩn. Bài kinh chú để các sư thầy tụng niệm trong buổi lễ nội dung cốt lõi giống nhau, đều từ trong sách *Chư kinh Nhật tụng* (chùa Tảo Sách), và *Kinh Nhật tụng* (chùa Linh Tiên). Phần nghi thức luôn có những bài

pháp ngẩn, phù hợp với buổi lễ để giáo hóa người tham dự và thức tỉnh chư chân linh.

Khi tiến hành nghi thức cúng Mông Sơn, ở hai chùa đều sử dụng ban nhạc lễ. Điều này giúp lễ cúng trang trọng, linh thiêng hơn. Lễ nhạc mang âm hưởng trang nghiêm, thiền vị, thanh thoát và hùng tráng chuyển tải Phật pháp nhiệm mầu, giúp cho người tham dự nghe và hiểu một cách thanh thản, nhẹ nhàng; giúp cho người đã khuất buông xả nghiệp chướng trong vòng oan khiên, siêu thoát về cảnh giới an vui hoàn toàn. Giọng điệu tụng kinh của các sư thầy trong lúc hành lễ có chia ra làm hai giọng căn bản: Giọng *lạc* (vui) còn gọi là giọng *thiền* và giọng *ai* (buồn). Giọng *lạc* được đọc tụng những lúc tuyên pháp ngữ, cầu an... Giọng *ai* được đọc trong những lúc cầu siêu độ linh, v.v...

Nghi thức tiến hành buổi lễ được các sư thầy làm rất bài bản, đúng quy trình và trang nghiêm. Vì vậy, thời gian của một buổi lễ thường kéo dài từ 3 - 5 tiếng đồng hồ. Việc chuẩn bị cho khóa lễ rất chu đáo, cẩn trọng. Các vật phẩm, sớ cúng, súc vật dâng cúng phóng sinh về số lượng và chủng loại đều rất nhiều. Các sư thầy, các vãi trong chùa cùng làm và hướng dẫn gia chủ bày biện lễ cúng rất đẹp mà vẫn trang trọng, tôn nghiêm. Khi thực hiện nghi lễ tiểu Mông Sơn thí thực hàng ngày, sư trụ trì hoặc các sư thầy ở chùa đều làm chủ lễ được. Tuy nhiên, vào những dịp đặc biệt như Rằm tháng Giêng (Lễ Thượng Nguyên), rằm tháng Bảy Đại lễ Vu lan báo hiếu và Rằm tháng Mười (Lễ Hạ nguyên) thì chùa tổ chức lập trai đàn chẩn tế phả cúng chúng sinh ở quy mô lớn hơn và rất đông Phật tử tham dự. Khi đó, chỉ những sư thầy đã học Khoa nghi lễ sẽ thượng đàn cúng thí. Lý do chủ yếu là người chủ lễ của Trai đàn phải biết trì chú, kiết ấn, và biết cúng theo nhạc lễ.

Về người có nhu cầu thực hiện nghi lễ: Theo giáo lý nhà Phật, hàng ngày, vào buổi chiều (công phu chiều), chùa nào cũng cúng cháo cho các chúng sinh để cho các cô hồn, ngạ quỷ được ăn uống no đủ, nghe lời kinh tiếng kệ của Phật để được siêu sinh thoát hóa. Như vậy, trước tiên chính các nhà sư tại các ngôi chùa là người có nhu cầu thực hiện nghi lễ này.

Về phía Phật tử tại gia và người dân thường thì rất phong phú và đa dạng về đối tượng. Ở miền Bắc, đa phần gia đình nào có người thân

vừa qua đời trong vòng tuần thứ năm (35 ngày) và tuần thứ bảy (49 ngày) có nhu cầu thực hiện nghi lễ này. Còn ở miền Nam gia đình nào có người thân vừa qua đời mỗi tuần đều cúng nhưng chủ yếu là cúng tuần thất thứ ba (21 ngày) và tuần thất thứ bảy (49 ngày). Họ thường đến chùa nhờ các sư thầy cúng đưa vong lên chùa, lập đàn siêu độ, phá độ gia tiên. Cũng có những gia đình làm ăn bị thất bát, tâm không an, nằm mơ người thân báo mộng kêu đói khát, không có quần áo, tiền bạc hay đi xem bói toán, gọi hồn được phán là những người thân trong gia đình, gia tộc của mình đói khát, chưa được siêu thoát phải nhờ các nhà sư lập đàn cúng tế. Lại có cả những Phật tử có tâm thiện đến chùa nhờ các sư thầy lập đàn giải oan cắt kết, trả nợ tào quan. Hay cứ mỗi độ Vu Lan, rằm tháng Bảy, theo truyền thống của người Việt, các Phật tử đến chùa xin làm lễ phá độ gia tiên.

Với người dân, chùa Linh Tiên và chùa Tảo Sách vốn nổi tiếng về sự linh thiêng nên khi thực hiện nghi lễ này ở chùa, số người tham dự rất đông. Đông đảo Phật tử tại gia, nhân dân trong vùng đến tham dự, tụng kinh, niệm Phật và làm công quả. Những khóa lễ cúng Mông Sơn thì thực thường có từ vài chục đến gần 500 người tham dự. Mọi người ai cũng hoan hỉ khi được dự khóa lễ, được tụng kinh niệm Phật, được Phật gia hộ, được ăn cơm chay và có lộc mang về và đặc biệt là lan tỏa tình bằng hữu, thương yêu nhau như người thân ruột thịt trong gia đình, sống thiện hơn.

Các điều kiện cần thiết để tiến hành nghi lễ: Về thời gian tiến hành cúng: Ngày giờ và thời gian thường do các sư thầy và Phật tử sắp xếp cho hợp lý với đôi bên. Không gian tiến hành nghi lễ thường là trước ban Tam bảo nếu là ở chùa. Nếu tại nhà gia chủ, nơi lập đàn lễ thường là ngoài trời, trong khuôn viên sinh sống. Đồ lễ cần có gồm hương, đăng (đèn), nến, trà nước, tiền vàng mã, tiền lẻ, quần áo chúng sinh, hoa quả, xôi chè, ngô, bông, bánh kẹo, cháo trắng, khoai luộc, sắn luộc, đỗ luộc, lạc luộc, mía, ngô luộc,... và mâm cỗ chay cùng với pháp phục và pháp khí.

Chi phí cho nghi lễ: Qua phỏng vấn, chúng tôi thấy rằng hầu hết mọi người đều cho rằng, nếu lập lễ trai đàn càng to, càng đắt tiền thì người thân, vong linh của họ được no đủ, còn dư dả bố thí cho người

khác, không còn bị cướp giật tranh phần và họ quay lại phù hộ cho người sống càng nhiều, cầu gì được nấy. Chi phí để làm một khóa lễ tại chùa thường có giá từ 20 triệu đồng trở lên. Đây là chia sẻ của một Phật tử ở Hà Nội: “Nhà mình trung bình tiền sắm lễ cúng từ hai mươi triệu trở lên, toàn hoa, quả, trà thuốc nhập ngoại, quần áo, điện thoại, ô tô cho các cụ bằng giấy nhưng to, đẹp giống vật thật nên rất đắt” (PVS., nữ, 35 tuổi, quận Thanh Xuân, Hà Nội). Mặc dù chi phí khá lớn do với mặt bằng chung về thu nhập dù ở bối cảnh các thành phố lớn, nhưng người có nhu cầu hành lễ biết rõ tại sao cần phải chi tiền. Một trong những quan niệm phổ biến là “trần sao, âm vậy”. Một người xin được làm lễ Mông Sơn thí thực cho tổ tiên của mình đã cho biết: “Ngày trước, mình ăn rau cháo thì cúng các cụ bằng lễ chay. Còn bây giờ mình có của ăn của để thì cúng các cụ phải mâm cao cỗ đầy” (PVS., nam, 62 tuổi, quận Tây Hồ, Hà Nội).

Điều có thể thấy là với những cá nhân hay gia đình có điều kiện về kinh tế, gặp thuận lợi trong cách gia tăng thu nhập, họ muốn thể hiện sự quan tâm, thành kính hơn với tổ tiên một cách khá tự nhiên. Cũng có thể, đó là cách mong cầu được sự phù hộ độ trì nhiều hơn nữa trong tương lai. Những khóa lễ tổ chức tại các gia đình có điều kiện thì số tiền còn nhiều hơn, thậm chí tới cả trăm triệu đồng. Chi phí lớn nhất thường là đồ mã, dưới dạng các vật dụng, tiền vàng, trang phục. Chi phí đáng kể nữa là đồ ăn uống để cúng. Ngoài ra, với các gia chủ mời các nhà sư đến làm lễ phả độ gia tiên, cầu siêu hay cầu an cho cả dòng họ hay gia đình, còn có khoản tiền tự nguyện đóng góp lại cho chùa và để cảm tạ các nhà sư đến làm lễ. Trên nhiều phương diện có thể nói rằng những gia đình có thể mời riêng các nhà sư đến làm lễ cho mình là các gia đình khá giả về kinh tế.

Điều sau cùng cần nói rõ ở đây là nghi lễ Mông Sơn thí thực thường được tích hợp vào các nghi lễ khác của Phật giáo. Phật giáo Bắc tông ở Việt Nam trong một năm trời có nhiều nghi lễ, trong đó có nhiều nghi lễ liên quan đến vòng đời con người, như: lễ cầu siêu, cầu an, phả độ gia tiên, giải hạn, nhập trạch, động thổ chay tăng, cúng thất, cúng mụ, bán khoán-chuộc khoán, hăng thuận, v.v... Lễ Mông Sơn thí thực hiện diện trong phần lớn các nghi lễ này, đôi khi khó có thể phân biệt rạch ròi.

Những điểm khác biệt

Ở vùng, miền khác nhau thì nghi lễ Mông Sơn thí thực cũng khác nhau ở mức độ hay vài nét đặc trưng. Nếu đi sâu vào từng mảng cấu trúc của một nghi lễ để soi chiếu dưới góc độ đặc tính vùng miền sẽ hiện rõ nét đặc trưng của nghi lễ ấy. Sự khác biệt trong thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực tại chùa Tảo Sách và chùa Linh Tiên thể hiện ở những điểm sau:

Vật phẩm để cúng thí thực: Ở chùa Tảo Sách, vật phẩm cúng có rất nhiều thứ, ngoài đồ ăn còn có nhiều vàng mã, tiền tào quan, ngựa các vật dụng thường ngày được làm bằng giấy nhưng giống và to bằng vật thật thậm chí cả người hầu đi kèm. Cho nên, chi phí của buổi lễ ở chùa Tảo Sách cao hơn chùa Linh Tiên. Nhìn chung, các Phật tử đi lễ ở chùa Tảo Sách có điều kiện kinh tế dư dả. Nhưng bày đàn tràng cúng thí ở chùa Linh Tiên trông bề thế, hoành tráng hơn chùa Tảo Sách. Ở chùa Linh Tiên ngoài Ban Tam bảo còn lập Ban thờ Tiêu Diện Đại Sỹ bày vật cúng chúng sinh, năm ban Phật ngũ phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương) bày hương, đăng (đèn), nước, hoa, quả; lập cầu Nại Hà gần đàn Ngũ phương kế bên Ban thờ Tiêu Diện Đại Sỹ nên nhìn toàn cảnh buổi lễ trông rất nổi bật, gọn ghẽ, không rối mắt. Khi thực hiện nghi lễ ở chùa Tảo Sách chỉ lập đàn và cúng luôn ở ban Tam bảo. Vì vậy, có một số buổi lễ vật phẩm cúng nhiều quá bày trông hơi rối, thậm chí còn làm cho sư thầy khi thực hiện nghi lễ tẩu vong và múa lục cúng gặp khó khăn khi di chuyển.

Về pháp phục, pháp khí: Áo pháp của sư thầy chùa Tảo Sách đơn giản, trơn, không cầu kỳ bằng áo pháp của các sư thầy chùa Linh Tiên. Cụ thể là, áo pháp của sư thầy ở chùa Tảo Sách màu đỏ thẫm, không cắt rọc mỗi đường điều, hậu màu vàng sậm. Còn áo pháp sư thầy ở chùa Linh Tiên màu đỏ tươi hơn, mỗi điều được cắt rọc, sau đó may gô lại qua những đường kim mũi chỉ thật khéo léo, khác biệt nhất là hậu bá nạp màu trắng và đen hòa lẫn nhau từng mảng, mỗi mảng vải được ghép lại thành, mỗi mảnh vải to có hình chữ nhật. Ngoài ra, áo pháp của sư thầy chùa Linh Tiên trông nổi bật hơn, áo nhiều màu sắc lại thêu bông chữ Thọ cách điệu, đệm thêm vào đó hoa lá xen lẫn mây.

Điểm khác biệt tiếp theo là khi các thầy ở chùa Linh Tiên lên thỉnh Phật thì đội mũ hiệp chuông, còn lúc thượng đàn thì đội mũ tỳ lưu. Còn ở chùa Tảo Sách, các sư thầy đội mũ ngũ Phật khi làm lễ. Pháp khí của các sư thầy ở chùa Linh Tiên có thủ xích, kiền chùy, thủ lưu, chày kim cang, phát trần, một đôi (hai cái) linh, ba đôi (sáu cái) cây như ý. Vì vậy, khi các thầy dùng pháp khí để hành lễ sẽ bắt mắt và cuốn hút hơn. Còn ở chùa Tảo Sách các sư thầy chỉ có một cái linh, keng thỉnh sư.

Về lễ nhạc khi cúng đàn: Ở chùa Tảo Sách, các sư thầy thực hiện nghi lễ cúng theo làn điệu hát chèo, chầu văn, ca trù, dân ca quan họ. Còn ở chùa Linh Tiên, các sư thầy cúng lễ theo nhạc đàn ca tài tử, các điệu lý dân ca Nam Bộ nên “không khí buổi lễ đỡ bi ai hơn ở chùa Tảo Sách” (theo nhận xét của một số Phật tử được phỏng vấn). Điều này trùng hợp với đặc điểm văn hóa vùng miền.

Về nghi lễ cúng: Khi thực hiện nghi lễ Mông Sơn thí thực ở chùa Tảo Sách, sau khi thỉnh Phật có bước thỉnh vong và tẩm vong, quy vong rồi mới thượng đàn cúng. Trong thời gian cúng đàn, các sư có múa lục cúng (cầm hương, đèn, hoa, quả, trà, nước múa vòng quanh đàn tràng), có các thầy cúng trong ban nhạc lễ xướng lễ cúng. Còn chùa Linh Tiên không có bước tẩm vong và múa lục cúng. Ở trai đàn cúng Mông Sơn thí thực chùa Tảo Sách, sau nghi thức Quy y linh các sư sẽ làm Lễ phát tấu trình ngũ phương sứ giả rồi làm Lễ tụng kinh trì chú. Ở chùa Linh Tiên, sau nghi thức quy y linh các sư sẽ làm Lễ tụng kinh trì chú. Tiếp theo, Ban thỉnh sư sẽ dẫn sư chủ lễ thỉnh ngũ phương Phật (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương): Thỉnh Phật, trình lễ mở địa ngục cho các chân linh ra. Các sư thầy đi lễ quanh năm ban Phật ngũ phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương). Tại Ban thờ Tiêu Diện Đại Sĩ, thầy sám chủ niệm hương phụng thỉnh ngài Tiêu Diện Đại Sĩ, triệu thỉnh cô hồn vào làm lễ cử táng. Ban kinh sư chạy đàn, dẫn vong qua cầu Nại Hà để được siêu sinh. Nghi thức này làm cho những người dự lễ tin rằng tất cả các chân linh sẽ thoát khỏi hoàn toàn bề khổ, được hồi hướng (cảm nhận chung của những người được chúng tôi phỏng vấn). Đây là điểm khác biệt nhất khi thực hiện nghi lễ giữa hai chùa và cũng là một trong những lí do thời gian làm lễ của chùa Linh Tiên lâu hơn chùa Tảo Sách.

Ở chùa Tảo Sách thường có 1-3 sư thầy làm lễ nhưng có thêm các thầy cúng, thời gian của một khóa lễ kéo dài từ 2-4 giờ đồng hồ. Việc có thêm thầy cúng theo tín ngưỡng dân gian cho thấy sự hội nhập, kết hợp sâu sắc giữa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa. Trong nhiều phương diện, sự kết hợp này đã có thể góp phần làm cho Phật giáo gần với người dân hơn, bản địa hóa mạnh mẽ hơn, và do đó lại duy trì được sức sống lâu bền hơn. Trong khi đó ở chùa Linh Tiên, quy mô nghi lễ lớn hơn với nhiều người tham gia làm lễ hơn. Nhất thiết ở đây phải có từ 5-7 sư làm lễ nhưng không có thầy cúng, một khóa lễ từ 4-6 tiếng. Sở dĩ thời gian khóa lễ ở chùa Linh Tiên lâu hơn vì các sư thầy đông hơn, cúng theo nhạc lễ nhiều hơn và thầy chủ lễ bắt ấn quyết nhiều hơn.

Như vậy, chúng tôi đã trình bày và phân tích thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực tại chùa Linh Tiên và Tảo Sách thuộc Phật giáo Bắc truyền ở Việt Nam. Những so sánh cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt. Trình tự và ngôn từ của nghi lễ hoàn chỉnh đã được biên soạn thành sách và phổ biến rộng rãi, do điểm giống nhau là cơ bản. Những khác biệt lại chủ yếu nằm ở trang phục, thời lượng làm nghi lễ, quy mô nghi lễ, và sự kết hợp yếu tố tín ngưỡng dân gian và bản địa, hay vai trò của nhạc lễ... Những khác biệt đó có thể có căn nguyên từ bối cảnh văn hóa-xã hội, nhưng cũng có thể phản ánh cách tiếp nhận Phật giáo, quan điểm, và nhu cầu khác nhau về công năng của nghi lễ và những điều này mang đặc trưng văn hóa vùng miền.

4. Một số vấn đề đặt ra

Kết quả khảo sát và phân tích đã làm rõ nghi lễ Mông Sơn thí thực đang được thực hành như thế nào ở hai ngôi chùa mang tính đại diện cao cho Phật giáo ở Hà Nội và ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy thế, đã và đang có một số vấn đề nảy sinh từ thực tiễn thực hành nghi lễ này. *Thứ nhất*, đó là xu thế *nghi lễ Mông Sơn thí thực bị làm cho biến đổi*, hướng vào phục vụ những mong cầu ngày càng xa rời điều Phật giáo thực sự muốn mang đến cho con người và xã hội. Nghi lễ này về bản chất không chỉ đơn giản là nghi thức thờ cúng của Phật giáo mà nó còn có ý nghĩa cao đẹp trong việc đề cao tính nhân văn, nỗ lực giúp con người sống hướng thiện, giúp xã hội ngày càng văn minh. Nhưng

trong thực tế, nghi lễ này dễ bị hiểu sai, biến đổi, thậm chí bị tầm thường hóa. Hiện nay có một số người lợi dụng hoạt động này để tìm kiếm lợi ích về mặt vật chất, đặt ra những đòi hỏi về chi phí từ phía Phật tử hay người dân nhiều hơn so với trước đây. Cũng có người làm trung gian đứng ra tổ chức dịch vụ thờ cúng thuê, qua đó trục lợi. Lại có những người sẵn sàng lao vào tranh cướp đồ cúng khi nghi lễ hoàn tất, dẫn đến hình ảnh rất phản cảm. Điều đáng lo là sự biến tướng này rất đa dạng, rất khó kiểm soát và quan trọng hơn cả là làm mất đi bản sắc, ý nghĩa trong sáng của nghi lễ này.

Một vấn đề khác là sự thiếu thành tâm khi thực hiện lễ cúng và điều này xuất phát từ cả người chủ lễ và người có nhu cầu được thực hiện nghi lễ. Một ví dụ là việc làm cỗ cúng. Trong văn hóa truyền thống, khi gia đình chuẩn bị thực hiện nghi lễ này, đó sẽ là dịp mọi người quây quần, đoàn tụ, cùng nhau chuyện trò. Làm cỗ cúng để thể hiện lòng hiếu thảo, sự thành tâm của mình với người đã khuất. Ngày nay không ít gia chủ bỏ thủ tục tự làm cỗ cúng. Họ cho rằng chỉ cần một cuộc điện thoại là cỗ bàn được mang đến tận chùa, thuê hàng hoa đến chùa cắm hoa thay vì bản thân tự cắm... Nghi lễ do đó được thực hiện như là một việc cần làm cho xong, một sự trao đổi với Phật và với tổ tiên để có lợi ích trần tục, hơn là bày tỏ tình cảm chân thực hay tình cảm tôn giáo trong lòng. Những điều này vô hình trung làm phai nhạt bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp. Vấn đề đặt ra ở đây là vì ai và từ đâu mà người ta ngày càng chấp vào hình thức bên ngoài của nghi lễ.

Sự biến tướng của nghi lễ không chỉ do đòi hỏi hay thị hiếu của người dân. Nếu các nhà tu hành không kiên định sự mẫu mực và thành tâm, họ có thể là tác nhân dẫn đến biến đổi nghi lễ. Vị hòa thượng ở chùa Thiên Minh tại Huế đã bình luận: “Lập trai đàn có lớn hay nhỏ khi cúng thí thực cũng không quan trọng bằng tâm của vị thầy khi hành lễ. Nếu người chủ lễ không thành tâm khi hành lễ thì các chúng cô hồn, ngạ quỷ không thể được độ khỏi cảnh khổ và đôi khi còn trở lại quấy nhiễu người sống” (PVS., nhà tu hành, Thành phố Huế). Trong khi đó, hòa thượng ở chùa Tào Sách nói về trách nhiệm của Phật giáo nói chung, mà nói riêng là vai trò của nhà sư làm chủ lễ như sau: “Việc quan trọng của đạo Phật vẫn phải là làm sao cho mỗi người

hiều được Chánh pháp để hành trì chuyển hóa bản thân, đạt được hạnh phúc. Cầu nguyện cho người sống hay người chết là phương tiện chứ không phải là mục đích của đạo Phật” (PVS, nhà tu hành, Hà Nội). Như thế, cái tâm của người chủ lễ quan trọng hơn đồ lễ hay sự nổi tiếng xã hội nào đó. Cái tâm đó cũng giữ cho nghi lễ tránh bị biến tướng, phục vụ những quan điểm và lợi ích cá nhân, thậm chí có thể là phi Phật giáo.

Thứ hai, đó là hiện tượng *thương mại hóa* nghi lễ Mông Sơn thí thực. Vài thập niên gần đây, kinh tế Việt Nam khởi sắc, thu nhập của người dân tăng lên đặc biệt tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh đó các lễ hội, nghi lễ mang đậm giá trị văn hóa dân tộc dần được phục hưng. Nhu cầu làm nghi lễ của người dân ngày càng tăng nhanh chóng. Điều này cũng phù hợp với quan sát của chúng tôi trong thực tế. Rõ ràng có xu hướng biến nghi lễ này thành loại hình “dịch vụ” hay nói cách khác là một loại hàng hóa có thể trao đổi, mua bán, và định giá. Vì vậy, những động cơ thương mại được phát huy và thiên biến vạn hóa, với cố gắng tận thu của tín đồ khắp nơi. Việc thực hiện rồi tổ chức quay phim, chia sẻ lên mạng Internet những nghi thức của Mông Sơn thí thực đã trở thành cơ hội kiếm tiền cả năm cho chùa. Có những ngôi chùa công khai thu phí cúng sao giải hạn; nhiều đàn cúng giải oan, cầu siêu, cúng thí thực... mang lại siêu lợi nhuận, dẫn đến sự ganh đua, cạnh tranh, hệ quả là làm mất đi tính thiêng liêng của nghi lễ.

Một hệ lụy trực tiếp của hiện tượng biến nghi lễ Mông Sơn thành loại hình “dịch vụ” này là tổ chức nghi lễ làm ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của không gian sinh hoạt cộng đồng. Một mặt, đã thành hình thức có thể mua bán, trao đổi, thì người bán phải chiều lòng người mua, miễn là người mua sẵn sàng trả tiền. Vì thế, khi có quá nhiều người đăng ký nghi lễ với chùa, đặc biệt là cúng sao, giải hạn, cầu may, cầu siêu, nhà chùa dần dần chiếm các không gian xung quanh mình để thực hiện nghi lễ. Những yếu tố của dịch vụ như quảng bá, bán-mua, giá cả, cạnh tranh... thực sự đe dọa đến tinh thần và giá trị thực sự của nghi lễ Phật giáo. Mặt khác, trước kia, các lễ hội, nghi lễ Phật giáo chủ yếu chỉ quy tụ dân cư thu hẹp theo từng vùng, từng

nhóm thì ngày nay, với sự quảng bá hấp dẫn của giới truyền thông, số lượng người hành lễ, tín đồ đổ về quá đông, dẫn đến tình trạng quá tải trên các địa bàn. Do vậy, việc khống chế, kiểm soát lượng người trong những không gian nhỏ hẹp là điều bất khả kháng đối với ban tổ chức. Hơn nữa, khi phục hồi các lễ hội, nghi lễ Phật giáo, rất nhiều tín ngưỡng dân gian từ thời nguyên thủy cũng đồng thời “hồi sinh”, đánh thức ý đồ trục lợi của con người từ phía thần, Phật. Trên thực tế, sự mê đắm của một bộ phận tín đồ dễ biến thành thảm họa bởi hiệu ứng tâm lý đám đông khi được nhân lên thì khả năng kiểm soát an ninh dường như là điều không thể. Khi đó, nghi lễ, dịch vụ Phật giáo lại mang tiềm năng có tác động tiêu cực đối với xã hội.

Thứ ba, chi phí thực hiện nghi lễ Mông Sơn ngày càng gia tăng dẫn đến lãng phí không cần thiết, không có cơ sở, mang dấu hiệu mê tín. Khi thực hiện nghi lễ Mông Sơn thí thực, bày đàn tràng cúng thí thực bao giờ cũng có tiền vàng mã hay quần áo chúng sinh. Những năm gần đây, tục đốt vàng mã có xu hướng phát triển. Vị hòa thượng ở chùa Tảo Sách đã nhận xét rằng: “Đời sống của người dân ngày càng giàu có, khấm khá hơn, công việc gặp nhiều áp lực, cạnh tranh nên nhu cầu lập trai đàn, cúng thí thực của người dân ngày càng tăng. “Phú quý sinh lễ nghĩa”, con người có đời sống tình cảm không như ý nên cần sự an ủi, cầu nguyện. Nghi lễ Phật giáo phần nào đáp ứng nhu cầu ấy. Nhiều người tin rằng, đàn tràng được tổ chức càng lớn, tán tụng càng lâu thì hiệu quả càng cao. Họ cần nhìn nhận lại điều này” (PVS, nhà tu hành Hà Nội). Điều đáng chú ý trong nhận xét này là rõ ràng có xu thế gắn quy mô của nghi lễ với hiệu năng của nó. Niềm tin như thế này thực ra, không có cơ sở trong giáo lý Phật giáo. Nhưng điều đáng nói là dù có điều kiện hay không, nhiều người vẫn không ngần ngại chi tiền sắm vàng mã ngày càng nhiều hơn. Nhà có điều kiện thì mua sắm đủ lễ vật bằng vàng mã, từ nhà lầu, xe hơi cho đến quần áo, điện thoại, tivi, biệt thự... Nhà ít điều kiện hơn cũng cố gắng vay mượn để sắm sửa tiền vàng mã. Thực tế, trong kinh Phật không hề nhắc đến chuyện đốt vàng mã cho người âm, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lên tiếng khẳng định việc đốt vàng mã tùy tiện và phê phán là sự lãng phí, gây ô nhiễm môi trường và không đúng với tinh thần Phật giáo.

Tóm lại, hệ lụy từ các vấn đề nảy sinh đề cập ở trên là nghi lễ Mông Sơn thí thực dần dần bị mai một giá trị nguyên bản, và giá trị nhân văn cần lan tỏa cũng bị giảm sút. Điều này kéo theo uy tín của nhà chùa và của các sư bị giảm sút. Điều lo ngại nhất là nhân dân, Phật tử sẽ có thêm những hiểu sai, đánh giá không chính xác về nghi lễ, dẫn đến giảm sút niềm tin vào đạo pháp.

Kết luận

Trên tinh thần nhập thế tùy duyên, Phật giáo kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa văn hóa dân tộc với khoa nghi, giáo lý Phật đã hình thành nên nghi lễ Mông Sơn thí thực, như là pháp phương tiện nhằm mục đích đem lại cho con người một phương cách đối mặt với thực tại, giúp điều chỉnh hành vi của họ (thân, khẩu, ý) để cân bằng cuộc sống giữa vật chất và tâm linh. Nhân tố quan trọng nhất trong pháp sự nghi lễ cầu an, cầu siêu chính là người thực hành nghi lễ (chủ lễ). Bằng công năng tu tập và vai trò hoằng pháp, người chủ lễ làm nhịp cầu thông giao giữa hai tâm thức người sống và người mất, giữa thế giới *phàm* và thế giới *thiên*. Vì thế, niềm tin “*chính hay tà*” của tín đồ đều phụ thuộc vào sự dẫn dắt của người thực hành nghi lễ.

Sự tồn tại và phát triển của các nghi lễ là vành đai kiên cố bảo hộ cho mạch sống của cộng đồng tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng. Đặc biệt, nghi lễ Mông Sơn thí thực trong Phật giáo là một kênh hoằng pháp tích cực, hiệu quả đòi hỏi sự tham gia, phối kết chặt chẽ từ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đến các ban, ngành ở các cấp trong và ngoài Giáo hội về việc giáo dục, tuyên truyền về vai trò, mục đích và bản chất của nghi lễ cúng Mông Sơn thí thực.

Bản thân nghi lễ Mông Sơn thí thực đã có sự biến đổi, trong cả quan niệm về vai trò, chức năng và ý nghĩa, và trong cả cách thực hành cũng như sự kỳ vọng vào hiệu quả của nó. Nhưng thay đổi ấy chưa tới mức làm mất đi bản chất và giá trị văn hóa, nhân văn của nghi lễ. Nhưng nó cũng phản ánh những thay đổi trong một xã hội ngày càng đề cao tính duy lý trong suy nghĩ và hành động, đề cao lợi ích ngay trước mắt, và hàng hóa hóa thậm chí cả tôn giáo, trong trường hợp này là nghi lễ Phật giáo có xu hướng bị biến thành một loại hình “dịch vụ”. Trong các vấn đề đang đặt ra hiện nay từ thực

trạng thực hành nghi lễ Mông Sơn thí thực ở Việt Nam, vấn đề đáng lưu ý nhất là sự thiếu nhất quán trong quy trình và hình thức thực hiện nghi lễ. Tôn tại này nếu không có sự điều chỉnh kịp thời, dễ dẫn đến biến đổi nghi lễ theo các chiều hướng không mong đợi.

Do đó, trong thời gian tới, việc cần làm là chấn chỉnh việc thực hiện nghi lễ này, chuẩn hóa quy trình thực hiện nghi lễ. Cùng với đó là nhà tu hành chú ý hơn vào việc chia sẻ và giải thích để người dân hiểu rõ bản chất, mục đích, giá trị, ý nghĩa của nghi lễ khá phổ biến này của Phật giáo ở Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Thích Khánh Anh (2016). *Nhị khóa hiệp giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội; Thích Quảng Chơn (2014). Nguồn gốc nghi lễ, chức năng, ý nghĩa của lễ cúng cô hồn” đăng trên tạp chí *Văn hóa Phật giáo*, số 64; Thích Trí Hải (2016). *Nhị khóa hợp giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội; Thích Quảng Minh (2013). *Thủy lục chư khoa*, Nxb Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2007). *Nghi thức cầu an - cầu siêu, sám hối - cúng nợ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội; Thích Trí Quảng (2007). *Nghi thức cầu an, cầu siêu*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Văn Anh (2017), “Biểu hiện niềm tin tôn giáo qua hành vi tham dự các ngày lễ, khóa tu của tín đồ Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh”, *Nghiên cứu Tôn giáo* số 3 và 4.
2. Thích Khánh Anh (2016), *Nhị khóa hiệp giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Quảng Chơn (2014), Nguồn gốc nghi lễ, chức năng, ý nghĩa của lễ cúng cô hồn”, *Văn hóa Phật giáo*, số 64.
4. Hoàng Văn Chung (2019), *Giá trị và chức năng cơ bản của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nhiều tác giả (2013), *Nghi lễ Phật giáo toàn quốc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Thích Trí Hải (2016), *Nhị khóa hợp giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Thích Quảng Minh (2013), *Thủy lục chư khoa*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2007), *Nghi thức cầu an - cầu siêu, sám hối - cúng nợ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Nguyễn Minh Ngọc (2018), “Dịch vụ Phật giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2.
10. Thích Trí Quảng (2007), *Nghi thức cầu an, cầu siêu*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

**CURRENT PRACTICES OF MONG SON RITUAL
OF VIETNAM'S BUDDHISM**

(Case study of Linh Tien Buddhist Temple in Ho Chi Minh City and
Tao Sach Buddhist Temple in Hanoi)

Le Hoang Hai

(Thích Hoằng Hóa - a Monk)

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies, VASS

This article is the result of a study on the practices of the Mong Son rite (giving alms to orphaned spirits) of Mahayana Buddhism in the current urban context at Tao Sach Buddhist temple in Hanoi City and Linh Tien Buddhist temple in Ho Chi Minh City during the period from 2019 to 2020. First, the article clearly presents the origin, nature, purpose, process, and scale of the ritual performance. Next, it compares the similarities and differences, and the actual situation of this practice. This study provides an overview of the practices of the Mong Son ceremony in the two largest cities in the country today, pointing out the changes that have damaged the consistency, purpose, and meaning of the ritual.

Keywords: Mong Son; giving alms ritual; Buddhism; Tao Sach; Linh Tien.